USD 259 WICHITA PUBLIC SCHOOLS
2026-2027

LỊCH LÀM VIỆC 220 NGÀY

THÁNG		NGÀY
THÁNG 7	Bắt đầu làm việc	20
THÁNG 8	Ngày học đầu tiên	13
THÁNG 9	Nghỉ lễ Lao động	7
THÁNG 11	Nghỉ Thu	24–27
THÁNG 12	Nghỉ Đông	24–31
THÁNG 1	Nghỉ Tết Dương lịch	1
	Nghỉ lễ Martin Luther King, Jr.	18
THÁNG 3	Nghỉ Xuân	15–19
THÁNG 5	Ngày học cuối cùng	25
	Nghỉ lễ Tưởng niệm	31
THÁNG 6	Ngày làm việc cuối cùng	2

CÁC NGÀY NGHỈ CÓ LƯƠNG – 12

Ngày lễ Lao động	7 tháng 9
Nghỉ Thu (3 ngày)	25–27 tháng 11
Nghỉ Đông (2 ngày)	25, 31 tháng 12
Nghỉ Tết Dương lịch	1 tháng 1
Nghỉ lễ Martin Luther King Jr.	18 tháng 1
Nghỉ Xuân (3 ngày)	15, 16, 17 tháng 3
Ngày lễ Tưởng niệm	31 tháng 5

Lịch làm việc 220 ngày bao gồm 208 ngày làm việc, trừ các ngày nghỉ phép được hưởng, cộng với 12 ngày nghỉ có lương. Nhân viên thuộc lịch làm việc 220 ngày phải làm việc vào các ngày bồi dưỡng chuyên môn và các ngày làm công việc chuyên môn ngoài giảng dạy.

CHÚ GIẢI LỊCH	
__	Ngày không làm việc của nhân viên theo lịch 220 ngày
(__)	Văn phòng hành chính đóng cửa
□	Ngày bồi dưỡng chuyên môn toàn học khu
⬡	Ngày bồi dưỡng chuyên môn nhân viên Văn Phòng

ngân sách vẫn đang diễn ra, lịch này có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng

THÁNG 07 NĂM 2026

T2	T3	T4	T5	T6
		1	2	(3)
(6)	7	8	9	(10)
13	14	15	16	(17)
⬡20	⬡21	22	23	24
27	28	29	30	31

THÁNG 08 NĂM 2026

T2	T3	T4	T5	T6
3	4	□5	□6	□7
□10	□11	□12	13	14
17	18	19	20	21
24	25	26	27	28
31				

THÁNG 09 NĂM 2026

T2	T3	T4	T5	T6
	1	2	3	4
(7)	□8	9	10	11
14	15	16	17	18
21	22	23	24	25
28	29	30		

THÁNG 10 NĂM 2026

T2	T3	T4	T5	T6
			1	2
5	6	7	8	9
12	13	14	15	16
19	20	21	22	23
26	27	28	29	30

THÁNG 11 NĂM 2026

T2	T3	T4	T5	T6
2	□3	4	5	6
9	10	11	12	13
16	17	18	19	20
23	(24)	(25)	(26)	(27)
30				

THÁNG 12 NĂM 2026

T2	T3	T4	T5	T6
	1	2	3	4
7	8	9	10	11
14	15	16	17	18
21	22	23	(24)	(25)
(28)	(29)	(30)	(31)	

THÁNG 01 NĂM 2027

T2	T3	T4	T5	T6
				(1)
□4	5	6	7	8
11	12	13	14	15
(18)	19	20	21	22
25	26	27	28	29

THÁNG 02 NĂM 2027

T2	T3	T4	T5	T6
1	2	3	4	5
8	9	10	11	12
□15	16	17	18	19
22	23	24	25	26

THÁNG 03 NĂM 2027

T2	T3	T4	T5	T6
1	2	3	4	5
8	9	10	11	12
(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
22	23	24	25	26
29	30	31		

THÁNG 04 NĂM 2027

T2	T3	T4	T5	T6
			1	2
5	6	7	8	9
12	13	14	15	16
□19	20	21	22	23
26	27	28	29	30

THÁNG 05 NĂM 2027

T2	T3	T4	T5	T6
3	4	5	6	7
10	11	12	13	14
17	18	19	20	21
24	25	26	27	28
(31)				

THÁNG 06 NĂM 2027

T2	T3	T4	T5	T6
	1	2	3	4
7	8	9	10	(11)
14	15	16	17	(18)
21	22	23	24	(25)
28	29	30		